

**PHỤ LỤC SỐ 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 2000103908 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 03 năm 2020.
- Vốn điều lệ: 264.424.680.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 264.424.680.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: (0290) 3831608
- Số fax: (02903) 580827
- Website: [www.camimex.com.vn](http://www.camimex.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **CMX**



## Quá trình hình thành và phát triển:

1977

Công ty cổ phần Camimex Group (tên trước đây là Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau) - tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, được thành lập ngày 13/09/1977, là một Xí nghiệp chế thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.

1993

Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX). Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản.

2005

Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

2006

Đến ngày 12/01/2006, Công ty đã chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000065 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/01/2006 với tổng vốn Điều lệ ban đầu là 65 tỷ đồng.

2010

Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.

2011

Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV. HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) ngày 20/11/2011, Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

2018

Để phù hợp với sự phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 18/04/2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP, tên viết tắt là: CAMIMEX GROUP

- Các sự kiện khác:

- Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 đồng lên 88.815.000.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 đồng lên 93.016.160.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 đồng lên 114.967.970.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 đồng lên 132.212.340.000 đồng.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cơ cấu đồng sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 9 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cơ cấu đồng sáng lập.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 12 ngày 07 tháng 08 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 13 ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc cập nhật theo luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 14 ngày 28 tháng 10 năm 2016 về việc cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 15 ngày 19 tháng 04 năm 2018, đổi tên công ty từ Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần Camimex Group.
- Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận ĐKDN lần thứ 16 ngày 30 tháng 03 năm 2020, về việc tăng vốn điều lệ từ 132.212.340.000 đồng lên 264.424.680.000 đồng.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề kinh doanh:



- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi tôm.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

b, Địa bàn kinh doanh:



Công ty có 03 xí nghiệp sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu tại thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau; 01 chi nhánh tại Phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 Văn phòng đại diện tại Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

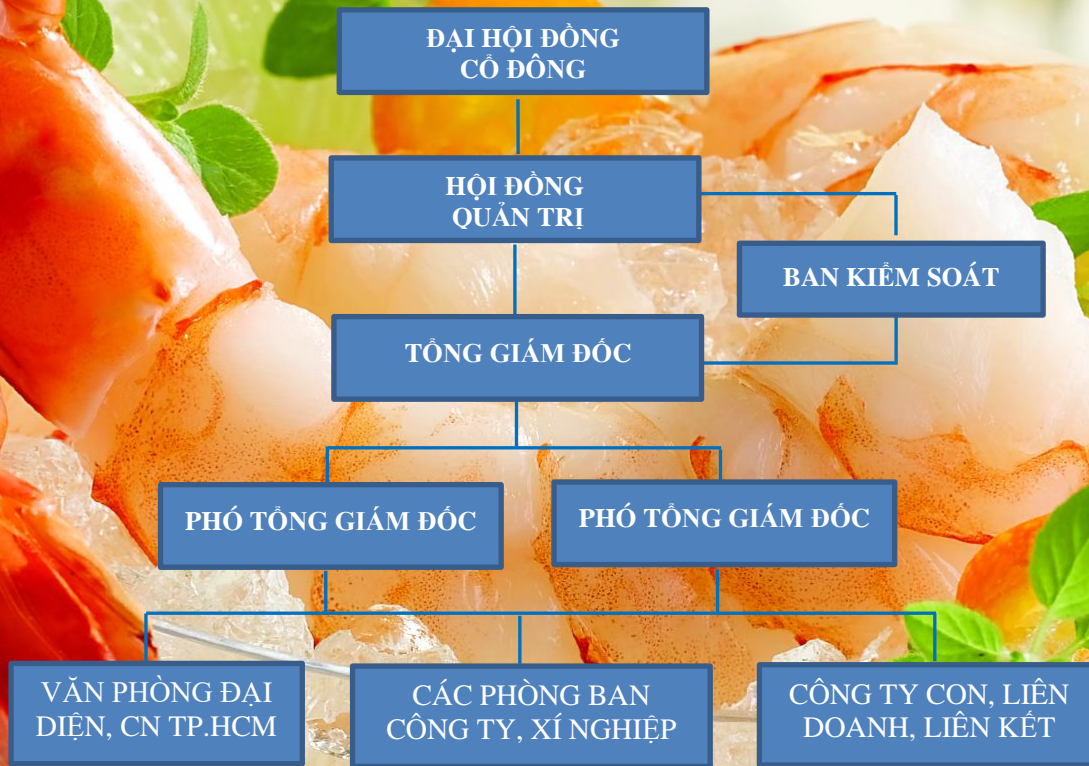
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### - Mô hình quản trị:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị (HĐQT);
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Công ty Cổ phần Camimex Group được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

❖ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Camimex Group:**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (0290) 3831608 Fax: (0290) 3832297

Trụ sở chính của công ty là nơi đặt văn phòng làm việc Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ

❖ **Văn phòng đại diện TP.HCM**

Địa chỉ: Số 33/3 đường Gò Ô Môi, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Camimex	Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	555	75,09%	
2	Công ty Cổ phần Camimex Logistics	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	15	86,67%	
3	Công ty cổ phần Camimex Organic	Áp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau.	Nuôi trồng thủy sản biển	50,5	19,8%	
4	Công ty Cổ phần Camimex Foods	999 Lý Thường Kiệt, phường 6, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	130	37,69%	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Camimex Nutrion	Tầng 17, Tòa nhà Prime Center, Số 53 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Bán buôn nông sản	10	10,0%	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
6	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1 - Khóm 3 - Thị trấn Năm Căn - H.Năm Căn - T.Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	50	10,02%	Mua CP

#### 4. Định hướng phát triển:

- Định hướng phát triển đối với ngành tôm tỉnh Cà Mau theo Kế hoạch số 60/KH-UBND.

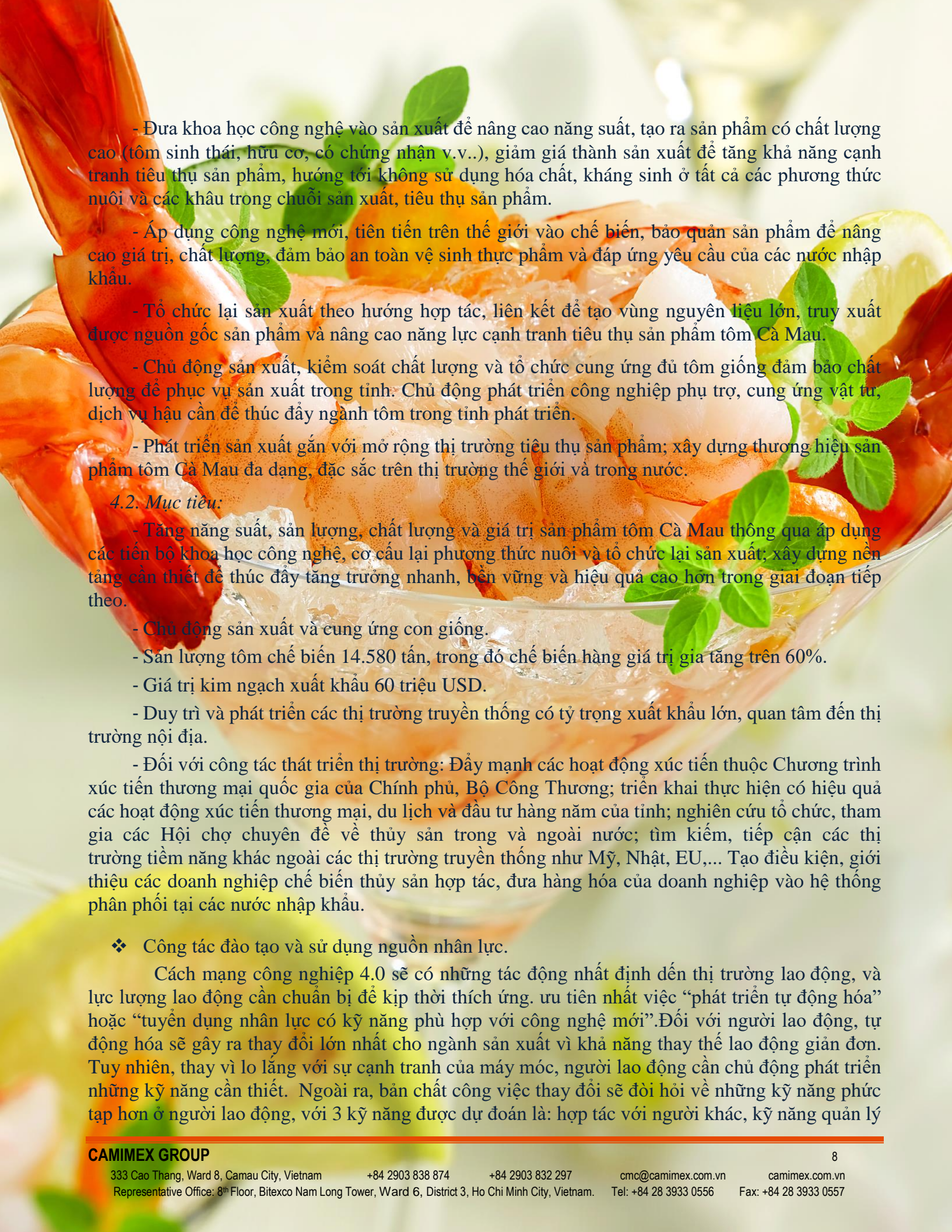
- Thực hiện Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch số 60/KH-UBND hành động phát triển ngành tôm Cà Mau đến năm 2025, với các nội dung

##### 4.1. Định hướng phát triển:

- Phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) Loại hình nuôi tôm - rừng có nhiều tiềm năng và lợi thế của tỉnh Cà Mau, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm sú. Phát triển loại hình nuôi tôm - rừng theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh (tôm chân trắng) ở những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ để sản xuất tạo khối lượng sản phẩm lớn. Phát triển nuôi tôm sinh thái (tôm sú) quy mô lớn, trong vùng quy hoạch để tạo sản phẩm giá trị cao cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và theo thứ tự ưu tiên để đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn; đa dạng hóa hình thức đầu tư và thu hút nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vào phát triển ngành tôm của tỉnh.



- Đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao (tôm sinh thái, hữu cơ, có chứng nhận v.v..), giảm giá thành sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm, hướng tới không sử dụng hóa chất, kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Áp dụng công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới vào chế biến, bảo quản sản phẩm để nâng cao giá trị, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đáp ứng yêu cầu của các nước nhập khẩu.

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết để tạo vùng nguyên liệu lớn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm tôm Cà Mau.

- Chủ động sản xuất, kiểm soát chất lượng và tổ chức cung ứng đủ tôm giống đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất trong tỉnh. Chủ động phát triển công nghiệp phụ trợ, cung ứng vật tư, dịch vụ hậu cần để thúc đẩy ngành tôm trong tỉnh phát triển.

- Phát triển sản xuất gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu sản phẩm tôm Cà Mau đa dạng, đặc sắc trên thị trường thế giới và trong nước.

#### 4.2. Mục tiêu:

- Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm tôm Cà Mau thông qua áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, cơ cấu lại phương thức nuôi và tổ chức lại sản xuất; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và hiệu quả cao hơn trong giai đoạn tiếp theo.

- Chủ động sản xuất và cung ứng con giống.

- Sản lượng tôm chế biến 14.580 tấn, trong đó chế biến hàng giá trị gia tăng trên 60%.

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu 60 triệu USD.

- Duy trì và phát triển các thị trường truyền thống có tỷ trọng xuất khẩu lớn, quan tâm đến thị trường nội địa.

- Đối với công tác phát triển thị trường: Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia của Chính phủ, Bộ Công Thương; triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư hàng năm của tỉnh; nghiên cứu tổ chức, tham gia các Hội chợ chuyên đề về thủy sản trong và ngoài nước; tìm kiếm, tiếp cận các thị trường tiềm năng khác ngoài các thị trường truyền thống như Mỹ, Nhật, EU,... Tạo điều kiện, giới thiệu các doanh nghiệp chế biến thủy sản hợp tác, đưa hàng hóa của doanh nghiệp vào hệ thống phân phối tại các nước nhập khẩu.

#### ❖ Công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có những tác động nhất định đến thị trường lao động, và lực lượng lao động cần chuẩn bị để kịp thời thích ứng. ưu tiên nhất việc “phát triển tự động hóa” hoặc “tuyển dụng nhân lực có kỹ năng phù hợp với công nghệ mới”. Đối với người lao động, tự động hóa sẽ gây ra thay đổi lớn nhất cho ngành sản xuất vì khả năng thay thế lao động giản đơn. Tuy nhiên, thay vì lo lắng với sự cạnh tranh của máy móc, người lao động cần chủ động phát triển những kỹ năng cần thiết. Ngoài ra, bản chất công việc thay đổi sẽ đòi hỏi về những kỹ năng phức tạp hơn ở người lao động, với 3 kỹ năng được dự đoán là: hợp tác với người khác, kỹ năng quản lý



con người, trí tuệ cảm xúc. Việc bổ sung và phát triển những năng lực và kỹ năng này sẽ giúp con người có khả năng làm chủ máy móc, ứng dụng sáng tạo và áp dụng công nghệ trong công việc.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Theo đánh giá của Tổng cục Thủy sản, năm 2019, khó khăn nổi bật nhất với thủy sản là ngành hàng cá tra và tôm đối mặt với nhiều thách thức khi giá nguyên liệu giảm trong khi giá nhiên liệu tăng, cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung đã ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp nói chung và các mặt hàng thủy sản nói riêng, rào cản kỹ thuật của một số nước nhập khẩu ảnh hưởng đến sản xuất thủy sản. Tuy nhiên ngành thủy sản cũng có những thuận lợi như thị trường tiêu thụ tương đối ổn định nhờ vậy sản xuất thủy sản năm 2019 tiếp tục duy trì được như sau.

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	So sánh với KH	So sánh với cùng kỳ
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	43.8	39.5	40	99%	90%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,437.3	4,452.4	4,120	108%	100%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,062.2	951.1	940	101%	90%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	93.75	92.44	100	92%	99%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80.77	77.75	90	86%	96%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	6,105.0	3,112.0			51%

### Thị trường xuất khẩu chiếm % trong năm báo cáo

STT	THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ (USD)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Châu Âu	23.19	58.7%	
2	Canada	3.04	7.7%	
3	Hàn Quốc	9.11	23.1%	
4	Nhật	2.16	5.5%	
5	Trung Đông	0.42	1.1%	
6	Úc	0.46	1.2%	
7	Khác	1.13	2.9%	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39.5</b>	<b>100%</b>	

## 2. Tổ chức và nhân sự (số liệu tại thời điểm 31/12/2019):

### a. Danh sách Ban điều hành:

- |                        |                     |
|------------------------|---------------------|
| 1. Ông Nguyễn An Ninh  | - Tổng giám đốc     |
| 2. Ông Bùi Đức Cường   | - Phó Tổng giám đốc |
| 3. Ông Đặng Ngọc Sơn   | - Phó Tổng giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Hà | - Kế toán trưởng    |

### TÓM TẮT LÝ LỊCH

#### ❖ Ông Nguyễn An Ninh

- Năm sinh : 1958
- Quá trình công tác:
  - + Trước ngày 12/01/2006 : Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam
  - + Từ ngày 01/2006 đến 11/2011: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD Công ty
  - + Từ ngày 11/2011 đến 06/2012: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty
  - + Từ ngày 19/06/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc Công ty
- Số cổ phần sở hữu: 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)

#### ❖ Ông Bùi Đức Cường

- Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
  - + Từ năm 1997 đến năm 2008: Công tác tại Công ty Minh Phú
  - + Từ năm 2009 đến năm 2013: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
  - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty
  - + Từ tháng 06/2013 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị công ty
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty.
- Số cổ phần sở hữu 1.920.000 cổ phần (tỷ lệ 14,52%/ Vốn điều lệ).

### ❖ Ông Đặng Ngọc Sơn

- Ngày tháng năm sinh : 19/06/1959
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học, Khoa Chế biến Đại học Thủy sản Nha Trang
- Quá trình công tác :
  - + Năm 1981 : Tốt nghiệp khoa Chế biến Trường Đại học Thủy sản Nha Trang
  - + Từ năm 1981 - 1994: Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng. Chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc phụ trách sản xuất
  - + Từ năm 1995 đến năm 1998: Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty Cổ phần dầu khí Vũng Tàu.
  - + Từ năm 1998 đến năm 2001: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Minh Hải (Minh Hai Jostoco).
  - + Từ năm 2001 đến năm 2005: Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu.
  - + Từ năm 2005 đến năm 2014: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc công ty
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

### ❖ Ông Nguyễn Trọng Hà

- Năm sinh : 29/06/1974
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
- Quá trình công tác :
  - + Năm 1999 - 05/2006 : Kế toán tổng hợp XNCB TS Đầm Dơi
  - + Từ 05/2006 - 12/2006 : Kế toán Viettel Cà Mau
  - + Từ 01/2007 - 12/2007 : Trưởng phòng bán hàng Viettel
  - + Từ 01/2008 - 08/2011 : Phó giám đốc KD Viettel Cà Mau
  - + Từ 09/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.

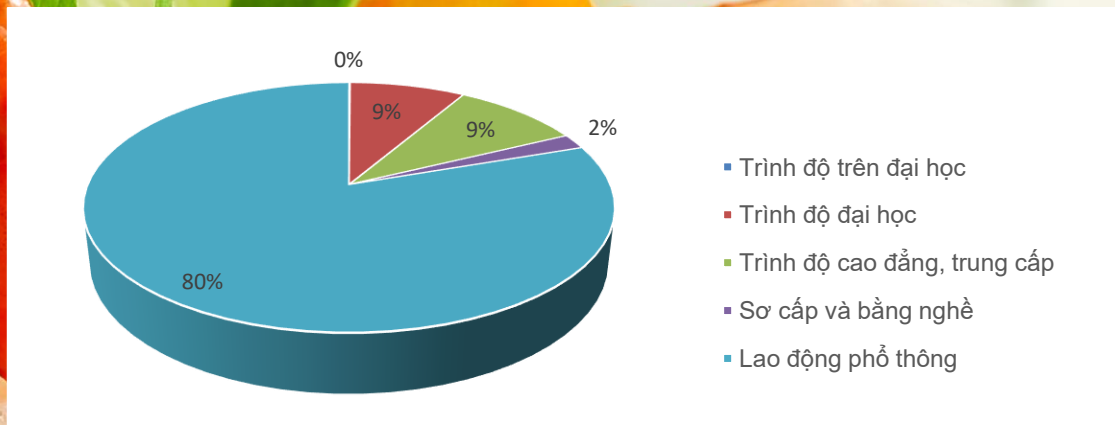
### **b. Những thay đổi trong ban điều hành.**

Bà Trương Thị Bích Phượng, không còn là Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 01/07/2019.

Bổ nhiệm Ông Đặng Ngọc Sơn, Thành viên HĐQT, chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 01/07/2019.

### c. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tập đoàn có 1.180 lao động, với đội ngũ cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm và công nhân có tay nghề lâu năm trong ngành thủy sản.



*\* Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:*

#### Môi trường làm việc

- Là doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, công ty luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của công ty. Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thỏa đáng cho người lao động, xây dựng quy chế trả lương gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc...

- Tổ chức tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động, tổ chức thăm hỏi gia đình công nhân gặp hoàn cảnh khó khăn vào các ngày lễ, tết....



- Công ty tổ chức xe đưa rước công nhân, tổ chức xe đưa rước công nhân miễn phí từ nhà đến nơi làm việc cho các công nhân ở xa không có điều kiện đi lại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty, góp phần tạo công ăn việc làm, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo tại địa phương.



- Công ty luôn quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tại đơn vị, thường xuyên kết hợp với tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên chăm lo đời sống người lao động, tổ chức nhiều phong trào hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ... nhằm tạo động lực cho người lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất...



- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình công hiến và sáng tạo của mỗi con người trong công ty

### **Chính sách tiền lương:**

- Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng theo quy định của Nhà nước, ngoài ra công ty tham khảo mặt bằng lương trong khu vực đảm bảo tính cạnh tranh thu hút lao động và đảm bảo đời sống người lao động trong công ty.

- Đối với nhân viên lao động gián tiếp Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương theo năng lực và khối lượng công việc được giao.

- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất Công ty thực hiện chi trả theo năng suất của người lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm.

### **Chính sách tiền thưởng:**

- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Hàng tháng các bộ phận có bình xét thưởng chuyên cần và phụ cấp tiền chuyên cần hàng tháng.

- Hàng năm Công ty tổ chức bình bầu xét khen thưởng thứ hạng A, B, C theo tiêu chí ngày công lao động và mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho tập thể, cá nhân có thành xuất sắc, nhất là cán bộ cấp cao nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.

- Đối với cán bộ chủ chốt trong công ty, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm, nếu đạt và vượt sẽ được công ty khen thưởng.

### **Chính sách đào tạo:**

- Hàng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để đào tạo từ đó làm cho sự cạnh tranh trong từng cá nhân, bộ phận trong Công ty và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao cũng như việc nâng cao tay nghề cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận.

### **Các chính sách khác:**

- Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

- Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.

- Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2019 đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty con, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các Zone. Tổng giá trị đầu tư trong năm: 114.923.011.528 đồng.

#### b. Các công ty con, công ty liên kết: Có 3 Công ty con.

##### 1. Công ty Cổ phần Camimex Corp (Công ty TNHH thủy sản Camimex)

Chỉ tiêu	CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX CORP		
	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1,041,064,486,370	1,521,298,288,855	146%
Doanh thu thuần	1,327,553,540,309	918,324,601,812	69%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	69,786,211,758	61,347,020,540	88%
Lợi nhuận khác	3,707,509,080	15,804,039,029	426%
Lợi nhuận trước thuế	73,493,720,838	77,151,059,569	105%
Lợi nhuận sau thuế	63,753,363,027	66,814,016,218	105%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

##### 2. Công ty Cổ phần Camimex Logistics (Công ty Cổ phần Camimex SG)

Chỉ tiêu	CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX LOGISTICS		
	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	18,813,900,557	21,393,630,587	114%
Doanh thu thuần	8,574,955,538	19,237,175,230	224%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	497,398,215	1,487,142,195	299%
Lợi nhuận khác	(98,469,081)	(87,055,343)	
Lợi nhuận trước thuế	398,929,134	1,400,086,852	351%
Lợi nhuận sau thuế	299,455,871	1,067,236,784	356%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

3. Công ty TNHH MTV Tôm Giống Sinh thái Camimex.

Chỉ tiêu	CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TÔM GIỐNG SINH THÁI CAMIMEX		
	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	28,492,809,735	94,811,950,536	333%
Doanh thu thuần	73,612,194,438	40,786,903,386	55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2,132,538,832)	(732,531,932)	
Lợi nhuận khác	3,741,813,702	1,335,829,496	36%
Lợi nhuận trước thuế	1,609,274,870	603,297,564	37%
Lợi nhuận sau thuế	1,268,473,939	390,787,406	31%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	876,302,664,513	1,423,795,905,117	162%
Doanh thu thuần	1,062,202,844,265	951,132,123,487	90%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	95,874,252,655	71,307,371,350	74%
Lợi nhuận khác	(2,122,163,604)	21,131,488,014	
Lợi nhuận trước thuế	93,752,089,051	92,438,859,364	99%
Lợi nhuận sau thuế	80,768,352,431	77,750,042,762	96%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,105	3,112	51%



**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.82	0.92
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.25	0.36
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.84	0.76
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5.33	3.13
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2.2	1.5
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.2	0.67
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.08	0.08
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.58	0.23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.09	0.05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.09	0.07

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần (tại thời điểm 31/12/2019):**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 13.221.234 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 13.221.234 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 13.221.234 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

## b. Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 57/2020-CMX/VSD-ĐK ngày 14/02/2020 do TTLK chứng khoán Việt Nam cung cấp.

TT	Diễn giải	Số lượng CP	Tỷ lệ
	<b>Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông lớn	8.034.303	60,77%
2	Cổ đông nhỏ	5.186.931	39,23%
	<b>Cơ cấu theo Tổ chức và cá nhân</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông là tổ chức	2.728.118	20,63%
2	Cổ đông là cá nhân	10.493.116	79,37%
	<b>Cơ cấu theo Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác</b>	<b>13.221.234</b>	<b>100%</b>
1	Cổ đông trong nước	13.008.687	98,39%
2	Cổ đông ngoài nước	212.547	1,61%
3	Cổ đông nhà nước	0	0
4	Cổ đông khác	0	0

## c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi.

## d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không phát sinh

## e. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị công ty công ty đã ra Nghị quyết số 07/NQ.HĐQT.CMX ngày 04/09/2019 về việc triển khai phương án và Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua, với khối lượng phát hành: 13.221.234 cổ phiếu.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng lượng tôm nguyên liệu sản xuất trong năm: 4.452.429,042 kg
- Tổng thành phẩm đóng gói xuất bán trong năm: 3.805.459,480 kg

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

- Tỷ lệ vật tư bao bì được tái sử dụng: bao bì tam chiếm 99%
- Nguyên liệu đầu vào: được sử dụng làm thực phẩm, gia vị, tái chế sử dụng trong ngành y tế và phục vụ trong chăn nuôi gia súc.

## 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

❖ Năng lượng trực tiếp cho sản xuất trong đó:

- Điện tiêu thụ: 11.070.100 KWH.
- Dầu trực tiếp sử dụng cho lò hơi hấp tôm có công suất 1.250 kg hơi/giờ: 53800 lít/năm
- Máy phát điện dự phòng có công suất 5.000 KVA: 7 600 lít/năm

❖ Năng lượng gián tiếp:

- Điện tiêu thụ gián tiếp cho các bộ phận Văn phòng liên quan: 141.600 KWH.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2018 sang năm 2019 Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư thay đổi công nghệ đông IQF từ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, chi phí năng lượng cao 720 Kw/Tấn TP, chi phí hao hụt cao. Sang thiết bị có công nghệ tiên tiến thời gian cấp đông nhanh tỷ lệ thu hồi sản phẩm cao, chi phí điện năng giảm so với công nghệ cũ tiết kiệm được 200 Kw/Tấn TP và nhờ áp dụng chương trình “Sản xuất sạch hơn” do dự án SEAQUIP của chính phủ Đan Mạch tài trợ mà năng lượng sử dụng như: Dầu, điện được tiết kiệm hàng chục ngàn kW mỗi năm.

- Năm 2019 lắp thêm 02 băng chuyền IQF mới: loại công nghệ đông siêu tốc của hãng Mycom Nhật Bản tại xí nghiệp 5.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng :

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao nghiệp vụ, nâng cấp về chuyên môn, trong công việc luôn sáng tạo trong nghiên cứu sử dụng công nghệ, máy móc thiết bị phù hợp với sức người và sản xuất ra sản phẩm đạt chuẩn đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tiết kiệm được năng lượng hàng chục ngàn kW mỗi năm và giảm thời gian trong sản xuất

## 6.3. Tiêu thụ nước:

Nước tiêu thụ: 207 009 m<sup>3</sup>

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nước khai thác từ giếng khoan của Công ty.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng;

Công ty có nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2015/BTNMT) không tái sử dụng nước.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.
- Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2015/BTNMT).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công ty nhận thức công tác bảo hộ lao động có liên quan mật thiết tới sản xuất và trực tiếp phục vụ cho sản xuất, từ đó việc trang bị bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động luôn được chú trọng quan tâm.
- Công tác huấn luyện an toàn lao động được công ty thực hiện thường xuyên theo giáo trình do công ty biên soạn, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được kiểm định chứng nhận an toàn.
- Chế độ tiền lương, tiền ăn giữa ca, các phúc lợi, khen thưởng theo năng suất lao động... đều được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, các tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, thông qua việc thường xuyên tiếp thu ý kiến, tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó có mối quan hệ hài hòa giữa người lao động, công ty và cộng đồng địa phương.
- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Thông qua sự chung tay của toàn thể người lao động trong công ty, với các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.

- Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.



#### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

##### **a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

- Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty là: 1.180 người
- Thu nhập bình quân đạt: 6.100.000 đồng/người/tháng

##### **b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm công ty duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm do các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động, đồng thời trạm y tế công ty luôn thực hiện tốt vai trò trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động. Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.

- Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động, thường xuyên kiểm tra bếp ăn và lấy ý kiến của người lao động về chất lượng bữa ăn giữa ca để đảm bảo sức khỏe của người lao động.



### c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, công ty tổ chức tự đào tạo tay nghề đối với công nhân trực tiếp sản xuất, tổ chức huấn



luyện An toàn lao động, phòng chống cháy nổ định kỳ cho toàn thể công nhân lao động. Đối với các bộ phận gián tiếp, bán trực tiếp: công ty tổ chức cho cán bộ, công nhân đi tập huấn theo thư mời, và tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn...



#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Ngoài hỗ trợ thu mua ổn định nguyên liệu cho người nuôi tôm, tạo công việc cho người lao động góp phần xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương, Công ty đã tham gia tích cực vào các phong trào có liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi có trụ sở và chi nhánh, dự án công ty hoạt động:

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: Công ty hiện đang nhận phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thường xuyên tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ tài chính hàng tháng để nuôi dưỡng Mẹ. Giúp đỡ các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng. Hàng năm đều tổ chức cho cán bộ, công nhân viên thấp hương tưởng niệm các vị anh hùng tại nghĩa trang liệt sỹ .



- Từ thiện - xã hội: Công ty luôn duy trì các hoạt động phong trào ủng hộ quỹ vì người nghèo, gia đình có công với cách mạng, đồng bào bị bảo lụt, xây dựng trường học, phát quà cho người dân gặp hoàn cảnh khó khăn nhân dịp lễ, tết.

TT	Nội dung hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1	XD trường học Ngọc Chánh	1,358,722,000	
2	XD trường học Thanh Tùng	961,725,000	
3	Tài trợ tuần văn hóa đất mũi	500,000,000	
4	Mẹ Việt Nam anh hùng	4,800,000	
5	Ủng hộ khác	88,000,000	
	<b>Tổng số tiền ủng hộ</b>	<b>2,913,247,000</b>	



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	So sánh với kế hoạch
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	39.5	40.0	99%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,452.4	4,120.0	108%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	951.1	940.0	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	92.4	100.0	92%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	77.8	90.0	86%

#### ❖ Những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2019:

##### 1.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

#### ❖ Thuận lợi

- Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, do vậy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát triển như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực giúp cho các doanh nghiệp thủy sản nói chung và Camimex nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU. Đồng thời, Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn do dư lượng kháng sinh cao. Tại thị trường Nhật Bản, việc Việt Nam gia nhập CPTPP cũng hỗ trợ cho Camimex xuất khẩu sang thị trường này.

- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến tôm các loại. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài.

- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, có tỷ lệ hao hụt thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều.

- Camimex tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất.

- Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành trực tiếp sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái gần 800ha nhờ đó tạo được thế mạnh nguồn nguyên liệu sạch, tăng thêm uy tín thương hiệu trên thương trường.

## ❖ **Khó khăn**

- Sự mất giá đồng EURO và đồng YEN gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường EU và thị trường Nhật Bản. Tỷ giá biến động thất thường cũng gây ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty.

- Giá tôm nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu.

- Vốn cần để mua nguyên liệu lớn, trong khi đó nguồn vốn của Công ty còn hạn chế. Hạn mức ngân hàng cung cấp cho các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

## ❖ **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- 90% máy móc thiết bị của Camimex được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản (máy móc thiết bị được nhập khẩu trực tiếp từ Nhật Bản hoặc sản xuất tại liên doanh Việt Nam – Nhật Bản). Công nghệ sản xuất của Camimex đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ổn định, được khách hàng đánh giá cao, đồng thời có tỷ lệ hao hụt rất thấp.



- 100% máy móc thiết bị phân xưởng mở rộng của nhà máy số 5 - công suất 5000 tấn, dự kiến hoạt động từ đầu quý 2, được nhập khẩu trực tiếp từ Nhật Bản, đảm bảo tỷ lệ hao hụt tối đa 1%

- Tiêu chuẩn chất lượng: Hệ thống quản lý chất lượng của Camimex tuân thủ theo các hệ thống: HACCP, ISO 9001:2000, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, EU Organic, Bio Suisse, Naturland, BSCI,... Với các chứng nhận chất lượng đã đạt được, Camimex đủ điều kiện xuất khẩu đến hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Đặc biệt, Camimex là công ty duy nhất của Việt Nam được cấp chứng nhận EU Organic (từ con giống đến bàn ăn), Naturland (từ con giống đến bàn ăn). Trên thế giới mới có một số ít doanh nghiệp đạt được chứng nhận này.

### Danh sách các chứng nhận chất lượng của Camimex

STT	TÊN CHỨNG NHẬN	THỜI HẠN	ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG NHẬN
1	BAP Factory	22.07.2020	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Mỹ về thực phẩm
2	BAP Farm	03.08.2020	Có Farm hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Mỹ về thực phẩm về nuôi trồng thủy sản
3	BAP Hatchery	04.10.2020	Có Trại giống chất lượng cao, công suất lớn, hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Mỹ về thực phẩm về nuôi trồng thủy sản
4	BRC DL 25, BRC DL 178	23.06.2020	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ về thực phẩm.
6	Bio suisse Organic	20.02.2021	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic của Châu Âu, Thụy Sĩ
7	EU Organic	20.09.2020	Có nhà máy, có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU Organic của Châu Âu
8	NATURLAND Factory	30.04.2021	Có nhà máy đúng tiêu chuẩn EU Organic, Bio Suisse Organic, Naturland Organic của Châu Âu
9	NATURLAND Farm	16.07.2020	Có có hệ thống farm, có trại giống và nuôi trồng đúng tiêu chuẩn EU, Bio Suisse Organic, Naturland Organic của Thụy Sĩ và Châu Âu
10	NATURLAND Hatchery	29.05.2020	Có Trại giống đạt tiêu chuẩn Naturland, Eu Organic, công suất lớn, hiện đại.
11	HALAL	29.05.2020	Có nhà máy hiện đại đáp ứng đủ tiêu chuẩn hồi giáo
12	ASC, ASC-CoC	06.08.2021	Có nhà máy, farm, trại giống hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm
13	IFS	30.10.2020	Có nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn EU về thực phẩm

o **Các lợi thế cạnh tranh**

*Chuỗi giá trị tôm khép kín:*



Trại giống sinh thái: gần 7 ha

408 triệu Post/năm

Khu nuôi sinh thái: 790,5 ha, sản lượng 227 tấn/năm

Liên kết nông hộ: 6.034 ha; sản lượng 1.859 tấn/năm. Diện tích liên kết có thể mở rộng lên 50.000 ha

Khu nuôi công nghiệp: dự kiến được bàn giao đất trong quý 2.2020

Công suất: 11.600 tấn/năm

Năm 2020 mở rộng lên 18.800 tấn/năm

Kho vật tư: 1.554 m<sup>2</sup>

Nhân lực: 1.108 công nhân lành nghề

Kho lạnh: trên 2.850 tấn thành phẩm tại Cà Mau

Sản phẩm được xuất khẩu hơn 25 quốc gia và vùng lãnh thổ



**Lợi thế về chất lượng sản phẩm**

Camimex là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận Organic cho một chuỗi sinh thái: từ trại giống sinh thái đến vùng nuôi sinh thái và sản phẩm sinh thái (từ con giống đến bàn ăn). Camimex cũng là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam đạt chứng nhận Organic này.

(1) **EU Organic cho chuỗi sản phẩm sinh thái:** chứng nhận hữu cơ liên minh châu Âu do Control Union Certifications, chứng nhận sản phẩm tôm sinh thái đảm bảo quy trình nuôi trồng từ con giống đến tôm trưởng thành, nhà máy chế biến tuân thủ theo bộ tiêu chuẩn EU Organic (EC 834/2007 và 889/2008).

(2) **Naturland cho chuỗi sản phẩm sinh thái:** chứng nhận hữu cơ của hiệp hội Naturland Đức. Để đạt chứng nhận Naturland, ngoài việc hoạt động nuôi tôm đáp ứng các yêu cầu hữu cơ như tiêu chuẩn Organic, doanh nghiệp nuôi tôm còn cần tuân thủ cơ chế quản trị môi trường dựa vào thị trường trong đó bảo vệ rừng ngập mặn là một yêu cầu bắt buộc. Tôm sinh thái được cấp chứng nhận Naturland, Bio Suisse khi xuất khẩu vào thị trường Thụy Sĩ, nhà xuất khẩu sẽ nhận được phần thưởng sinh thái là 5% giá trị đơn hàng từ Chính phủ.

(3) Mật độ thả con giống của Camimex chỉ khoảng 1- 2 con/m<sup>2</sup> nhỏ hơn rất nhiều so với mức tối đa mà Naturland cho phép 15 con/m<sup>2</sup>.

Với sản phẩm tôm sinh thái tỷ lệ lợi nhuận doanh nghiệp thu được sẽ cao hơn 30% so với sản phẩm tôm công nghiệp. Hơn nữa, giá cả và nhu cầu sản phẩm tôm sinh thái ổn định và tốt hơn so với tôm công nghiệp.

### ***Lợi thế về công nghệ***

Đây chuyên máy móc của Camimex liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, hơn 90% máy móc thiết bị của Công ty được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản, làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác. Cụ thể, tỷ lệ hao hụt của Camimex chưa tới 3% trong khi tỷ lệ trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành lên đến 5%.

### ***Nguồn nhân lực chất lượng cao và đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm***

Công ty Camimex Group tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau của nhà nước, được thành lập 13/09/1977, đã hoạt động hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành thủy sản. Nhờ đó Camimex đã được thừa hưởng hơn 1000 công nhân lành nghề cùng với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm.

### ***Lợi thế về hệ thống khách hàng lớn***

Công ty đã có hơn 40 năm hoạt động kinh doanh trong ngành thủy sản được thừa hưởng một mạng lưới khách hàng lớn, đa dạng. Hiện tại, các sản phẩm của Camimex đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó thị trường lớn nhất của Công ty là ở EU (Thụy Sĩ, Đức, Hà Lan...). Nhu cầu của khách hàng hiện tại rất lớn, chỉ riêng một đối tác Thụy Sĩ của Công ty đã ký đơn hàng 35 triệu USD cho năm 2020. Do vậy, Camimex đang tích cực nâng cao công suất để đáp ứng cho các đơn hàng.

## **2. Tình hình tài chính:**

### ***a. Tình hình tài sản:***

<b>Tài sản</b>	<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>Tại 31/12/2018</b>
A- Tài sản ngắn hạn	958.063.343.780	601.383.970.638
B- Tài sản dài hạn	465.732.561.337	274.918.693.875
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.423.795.905.117</b>	<b>876.302.664.513</b>
<b>Nguồn vốn</b>		
A- Nợ phải trả	1.079.327.808.580	737.884.594.797
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	344.468.096.537	138.418.069.716
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.423.795.905.117</b>	<b>876.302.664.513</b>

*b. Tình hình nợ phải trả:*

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b><i>Cơ cấu tài sản</i></b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	0.01	0.64
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	0.01	0.36
<b><i>Cơ cấu nguồn vốn</i></b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.76	0.90
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0.24	0.08
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.92	0.71
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.36	0.16
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b><i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i></b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0.10	0.03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0.08	0.03
<b><i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i></b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.06	0.04
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.05	0.04
<b><i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i></b>	%	0.23	0.45

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ổn định và phát huy năng lực sáng kiến trong toàn Bộ máy nhân sự, giao việc phù hợp với đúng chuyên môn được đào tạo, không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.

- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.

- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.

- Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong năm 2020:**

- Cơ cấu, hoàn thiện tổ chức bộ máy công ty tinh gọn, hiệu quả. Cải thiện môi trường làm việc, tăng cường phúc lợi cho người lao động.

- Cấu trúc lại công ty con (Công ty Cổ phần Camimex) để thành công ty đại chúng và niêm yết trên UPCOM. Tìm kiếm nhà đầu tư cho công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.

- Tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.

- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) : Không**

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

##### *a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:*

- Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.

- Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

##### *b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*

- Công ty nhận thức công tác bảo hộ lao động có liên quan mật thiết tới sản xuất và trực tiếp phục vụ cho sản xuất, từ đó việc trang bị bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động luôn được chú trọng quan tâm.

- Công tác huấn luyện an toàn lao động được công ty thực hiện thường xuyên theo giáo trình do công ty biên soạn, các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đều được kiểm định chứng nhận an toàn.

- Chế độ tiền lương, tiền ăn giữa ca, các phúc lợi, khen thưởng theo năng suất lao động... đều được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

##### *c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

- Công ty luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, các tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, thông qua việc thường xuyên tiếp thu ý kiến, tích cực xây dựng văn hóa doanh nghiệp, trong đó có mối quan hệ hài hòa giữa người lao động, công ty và cộng đồng địa phương.
- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.
- Lấy công tác xã hội là cầu nối để doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển. Thông qua sự chung tay của toàn thể người lao động trong công ty, với các các hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ cộng đồng bằng tinh thần tương thân tương ái.
- Việc đầu tư kinh doanh của Công ty đặc biệt tuân thủ các Quy định và luật về môi trường do chính phủ ban hành.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:**

Căn cứ vào các đơn đặt hàng của khách hàng và năng lực sản xuất của Công ty cũng như định hướng trong kinh doanh trong năm, nếu nguồn vốn lưu động được các tổ chức tín dụng hỗ trợ nguồn theo Kế hoạch xuất khẩu kinh doanh năm 2018 thì ngoài hoàn thành cũng có thể vượt kế hoạch trên 120%. Do thiếu nguồn vốn trực tiếp cho thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu đáp ứng theo kế hoạch, trong khi việc nâng cấp hạ tầng thiết bị cũng đòi hỏi hoàn thiện, việc chịu nhiều ảnh hưởng từ thời tiết như hạn hán, xâm nhập mặn.. Mức thuế chống bán phá giá đối với con tôm tại thị trường Hoa Kỳ là 4.78%. Yêu cầu về giới hạn hàm lượng các chất cấm ở một số thị trường ngày càng khắt khe. Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản. Đánh giá trước tình hình khó khăn và dựa trên tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ngay từ đầu năm HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, kiểm soát chất lượng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

##### **2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

TT	Ban Tổng giám đốc	Chức danh	Chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1	Nguyễn An Ninh	Tổng giám đốc	Đại học	32
2	Bùi Đức Cường	Phó Tổng giám đốc	Đại học	18
3	Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc	Đại học	38



Ban Giám đốc điều hành hoạt động, dựa trên các chỉ tiêu định hướng đã được đề ra của Hội đồng quản trị công ty. Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có nhiều giải pháp đột phá mạnh mẽ và quyết liệt trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, thực hiện và kiện toàn bộ máy, chế độ báo cáo. Hội đồng Quản trị cùng sát cánh với Ban Giám đốc để đưa Camimex tiếp tục ổn định tổ chức, duy trì sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

HDQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng chiến lược, định hướng phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tham gia tích cực hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày để Camimex duy trì sự hoạt động thông suốt, bảo đảm các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

#### ❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt : 60 triệu USD
- Sản lượng sản xuất : 6.400 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần : 1.410 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 100 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 90 tỷ đồng

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị (Số liệu tại thời điểm 31/12/2019):

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty là 06 người, bao gồm 01 Chủ tịch Chủ tịch HĐQT và 05 thành viên HĐQT.

- ❖ Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
  - Ngày tháng năm sinh : 12/10/1971
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
  - Số cổ phần đại diện : 2.542.833 cổ phần (tỷ lệ 19,23%/Vốn điều lệ)
- ❖ Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên Hội đồng quản trị.
  - Năm sinh : 1958
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
  - Số cổ phần sở hữu : 1.648.388 cổ phần (tỷ lệ: 12,47%/ Vốn điều lệ)
- ❖ Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
  - Năm sinh : 1959

- Trình độ chuyên môn: Đại học Chế biến Thủy sản
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.
- ❖ Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị.
  - Ngày tháng năm sinh : 07/04/1973
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Số cổ phần sở hữu : 1.920.000 CP (tỷ lệ 14,52%/VĐL).
- ❖ Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị.
  - Năm sinh : 1985
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại
  - Số cổ phần sở hữu : 12.137 cổ phần (tỷ lệ 0,09%/VĐL)
- ❖ Ông Nguyễn Trọng Hà - Thành viên Hội đồng quản trị.
  - Năm sinh : 29/06/1974
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
  - Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần (tỷ lệ 0,0%/VĐL)

**b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị:**

Công ty chưa có các tiêu bản trực thuộc Hội đồng quản trị.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tích cực chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty thông qua quy chế, nghị quyết, biên bản, tham gia họp trực tiếp với Ban Tổng giám đốc.

Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm. Ra nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc thực hiện. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo sâu sát về nhân sự, thu mua nguyên liệu, sửa chữa nhà xưởng, trang máy móc thiết bị máy móc, đàm phán khách hàng...

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên thực hiện trao đổi thông tin trong công việc bằng email, điện thoại và các cuộc họp có mặt trực tiếp, nhằm thống nhất đưa ra các chủ trương, chính sách nhanh chóng và kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong năm qua Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để thông qua các vấn đề liên quan. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

## 2. Ban Kiểm soát:

### a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (số liệu tại thời điểm 31/12/2019):

Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên, bao gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên.

#### ❖ Ông Nguyễn Đăng Dẫn - Trưởng ban kiểm soát

- Ngày tháng năm : 31/07/1980
- Trình độ chuyên môn : Đại học luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

#### ❖ Ông Nguyễn Văn Thắng - Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh : 19/08/1971
- Trình độ chuyên môn : ĐH Tài chính tín dụng; Đại học Luật
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

#### ❖ Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh : 01/10/1980
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị kinh doanh; TC Kế toán.
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất để thông báo, nắm bắt và giám sát tình hình hoạt động của công ty, đồng thời xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động của các thành viên.

Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng quản trị, tham gia trực tiếp ý kiến về việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế công ty có liên quan đến quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Thường xuyên giám sát quá trình hoạt động của công ty nhằm phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý và điều hành.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

### a. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2019.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:**

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên.

Chi tiết BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019: Tham khảo đính kèm phía dưới.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



**BÙI SĨ TUẤN**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CAMIMEX GROUP**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>14 - 44</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>45 - 49</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Camimex Group (tên cũ là Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau) được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 4 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
Điện thoại : (0290) 3.831.608  
Fax : (0290) 3.832.297

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019

#### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đăng Dẫn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013
Ông Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2017).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Bùi Đức Cường - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMX.2020 ngày 01 tháng 01 năm 2020.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

---



Thay mặt Hội đồng quản trị,

**Bùi Sĩ Tuấn**  
**Chủ tịch**

Ngày 01 tháng 4 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0138/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Cần Thơ**



  
**Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

  
**Nguyễn Hữu Nghi – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 4 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>958.063.343.780</b>	<b>601.383.970.638</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>39.679.568.000</b>	<b>3.609.386.523</b>
1. Tiền	111		28.121.544.027	3.609.386.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.558.023.973	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>323.340.016.664</b>	<b>163.907.560.307</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	78.591.427.317	85.534.811.337
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	225.193.849.888	66.901.802.816
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	38.419.133.635	26.955.320.819
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.864.394.176)	(15.484.374.665)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>580.796.556.588</b>	<b>420.979.070.288</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	610.819.212.044	420.979.070.288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(30.022.655.456)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.247.202.528</b>	<b>12.887.953.520</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	327.459.321	1.057.587.552
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.277.652.276	4.310.608.903
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	7.642.090.931	7.519.757.065
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>465.732.561.337</b>	<b>274.918.693.875</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.774.172.020</b>	<b>1.305.108.420</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.774.172.020	1.305.108.420
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>205.583.968.398</b>	<b>137.162.176.064</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	164.882.243.873	135.200.475.518
- Nguyên giá	222		404.614.370.782	352.684.514.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.732.126.909)	(217.484.038.703)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	40.211.461.814	-
- Nguyên giá	225		45.424.320.258	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.212.858.444)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	490.262.711	1.961.700.546
- Nguyên giá	228		5.519.613.542	9.245.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.029.350.831)	(7.283.404.996)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>179.384.417.595</b>	<b>129.654.459.128</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	179.384.417.595	129.654.459.128
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>57.067.376.181</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	42.055.546.848	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.724.158.784	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.712.329.451)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.922.627.143</b>	<b>6.796.950.263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.039.355.835	4.895.292.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	883.271.308	1.901.657.940
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.423.795.905.117</b>	<b>876.302.664.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.079.327.808.580</b>	<b>737.884.594.797</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.036.621.713.214</b>	<b>729.580.053.461</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	339.600.410.888	286.570.412.768
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	5.900.709.534	3.845.374.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.569.697.073	16.544.915.573
4. Phải trả người lao động	314	V.17	6.821.667.515	6.746.253.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.590.165.695	399.559.703
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	23.187.558.093	22.167.886.496
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	638.936.452.500	392.290.599.424
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.706.095.366</b>	<b>8.304.541.336</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	450.000.000	450.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	42.256.095.366	7.851.395.686
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	3.145.650
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>344.468.096.537</b>	<b>138.418.069.716</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>344.468.096.537</b>	<b>138.418.069.716</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23a	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23a	5.106.126.126	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23a	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23a	25.899.534.021	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		2.108.777.051	2.108.777.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.790.756.970	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23a	179.254.872.554	2.101.728.829
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.423.795.905.117</b>	<b>876.302.664.513</b>



Lữ Hồng Lam  
Người lập



Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020



Bùi Đức Cường  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

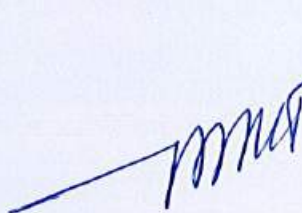
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	958.169.121.975	1.062.838.261.171		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.2	7.036.998.488	635.416.906		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	951.132.123.487	1.062.202.844.265		
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.3	750.497.423.337	867.949.038.021		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	200.634.700.150	194.253.806.244		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.4	6.036.056.006	5.142.406.979		
7. Chi phí tài chính	22 VI.5	44.686.844.132	31.788.526.930		
Trong đó: chi phí lãi vay	23	35.318.876.083	25.952.390.226		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24 V.2b	336.638.578	-		
9. Chi phí bán hàng	25 VI.6	41.752.168.510	31.389.939.594		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.7	49.261.010.742	40.343.494.044		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	71.307.371.350	95.874.252.655		
12. Thu nhập khác	31 VI.8	23.017.792.272	1.129.143.630		
13. Chi phí khác	32 VI.9	1.886.304.258	3.251.307.234		
14. Lợi nhuận khác	40	21.131.488.014	(2.122.163.604)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	92.438.859.364	93.752.089.051		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.16	13.673.575.620	14.434.035.357		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52 VI.10	1.015.240.982	(1.450.298.737)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>77.750.042.762</u>	<u>80.768.352.431</u>		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	<u>41.138.984.390</u>	<u>80.720.777.026</u>		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	<u>36.611.058.372</u>	<u>47.575.405</u>		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.11a	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>		
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 VI.11a	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>		



Lữ Hồng Lam  
Người lập



Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bùi Đức Cường  
Phó Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	92.438.859.364	93.752.089.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	28.931.610.890	23.095.661.581
- Các khoản dự phòng	03	35.115.004.418	(20.996.500.586)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	41.929.317	3.571.028
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.813.708.881)	(615.661.735)
- Chi phí lãi vay	06	35.318.876.083	25.952.390.226
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	174.032.571.191	121.191.549.565
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	109.995.638.799	818.067.417.682
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(189.067.099.051)	(35.201.477.286)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(127.787.629.529)	(843.206.334.453)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.865.185.281)	(2.133.509.223)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.120.641.222)	(25.912.001.057)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.180.006.112)	(4.137.844.847)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(80.992.351.205)</b>	<b>28.667.800.381</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(161.057.339.419)	(28.888.503.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	27.000.000.000	615.661.735
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.150.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	333.777.398	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(163.873.562.021)</b>	<b>(28.272.841.902)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

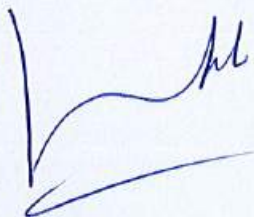
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

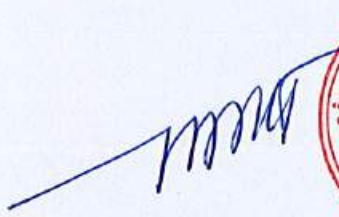
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b 1.878.840.496.309	1.486.125.147.191
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a (1.587.871.159.601)	(1.491.196.555.371)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20b (10.040.147.619)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>280.929.189.089</b>	<b>(5.071.408.180)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>36.063.275.863</b>	<b>(4.676.449.701)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 3.609.386.523</b>	<b>8.221.033.794</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.905.614	64.802.430
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 39.679.568.000</b>	<b>3.609.386.523</b>



Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bùi Đức Cường  
Phó Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Công ty TNHH Thủy sản Camimex đã chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Camimex từ ngày 14 tháng 02 năm 2019. Đồng thời, Công ty Cổ phần Camimex tăng vốn cổ phần đã đăng ký phát hành bằng cách phát hành thêm 3.820.000 cổ phiếu thường, trong đó có 1.500.000 cổ phiếu từ quỹ khen thưởng và 2.320.000 cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Camimex. Công ty Cổ phần Camimex đã tăng vốn điều lệ từ 416.800.000.000 VND lên 555.000.000.000 VND. Công ty mẹ không mua cổ phiếu phát hành thêm nên tỷ lệ quyền biểu quyết giảm xuống còn 75,09%.

Trong năm, Công ty Cổ phần Camimex Organic đã tăng vốn điều lệ lên thành 50.500.000.000 VND và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 08 tháng 8 năm 2019. Công ty mẹ không mua cổ phiếu phát hành thêm nên tỷ lệ quyền biểu quyết giảm xuống còn 99,22%.

##### 5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Camimex)	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu	75,09%	99,99%	75,09%	99,99%
Công ty Cổ phần Camimex Organic (tên cũ là Công ty TNHH MTV sản xuất Tôm giống sinh thái – Camimex)	Áp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống	81,1%	100%	99,22%	100%
Công ty Cổ phần Camimex Logistics (tên cũ là Công ty CP Camimex SG)	33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê kho đông lạnh, vận chuyển hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
7. **Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 918 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 802 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**  
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **14. Trái phiếu thường**

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

#### **15. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán thành phẩm***

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TRONG NĂM

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	23.410.263.072	775.030.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.711.280.955	2.834.356.451
Các khoản tương đương tiền	11.558.023.973	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	11.558.023.973	-
<b>Cộng</b>	<b><u>39.679.568.000</u></b>	<b><u>3.609.386.523</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Dài hạn</i>				
Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (xem thuyết minh số V.20b).

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	41.718.908.270	-
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	336.638.578	-
<b>Cộng</b>	<b><u>42.055.546.848</u></b>	<b><u>-</u></b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001309274 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Foods 49.000.000.000 VND, tương đương 37,69% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã đầu tư 41.718.908.270 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex Foods là 41.718.908.270 VND, số còn phải góp thêm là 7.281.091.730 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Góp vốn	41.718.908.270
Phần lãi hoặc lỗ	336.638.578
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>42.055.546.848</u></b>

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết**

Công ty liên kết mới đi vào hoạt động kinh doanh trong năm nay.

**Giao dịch với công ty liên kết**

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch với Cổ phần Camimex Foods là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>
Góp vốn bằng tài sản cố định	17.568.908.270
Góp vốn bằng tiền	24.150.000.000
Doanh thu gia công	4.176.390.056

**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn <sup>(i)</sup>	10.724.158.784	(1.712.329.451)	9.011.829.333	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex - Nutrition <sup>(ii)</sup>	1.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.724.158.784</u></b>	<b><u>(1.712.329.451)</u></b>	<b><u>9.011.829.333</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Trong năm Tập đoàn đã mua 501.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn với giá mua là 21.388 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 501.400 cổ phiếu, tương đương 10,02% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108795337 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Camimex – Nutrition 1.000.000.000 VND, tương đương 10% vốn điều lệ. Trong năm Tập đoàn đã đầu tư 1.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

#### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.712.329.451
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.712.329.451</u></b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.270.235.684</b>	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	1.270.235.684	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>77.321.191.633</b>	<b>85.534.811.337</b>
Mazzetta	11.410.656.558	11.432.875.491
H.T.Foods Pvt Ltd	2.625.046.412	5.127.662.709
LP Foods Pte Ltd	-	4.289.463.750
Thalassa Seafoods Nv	3.279.031.680	-
Các khách hàng khác	60.006.456.983	64.684.809.387
<b>Cộng</b>	<b><u>78.591.427.317</u></b>	<b><u>85.534.811.337</u></b>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.20a).

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>122.809.049.368</b>	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	305.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	122.504.049.368	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>102.384.800.520</b>	<b>66.901.802.816</b>
CMC Seafood Corporation	2.389.180.590	2.948.430.590
Công ty Cổ phần Bất động sản Bình Thiên An	11.168.285.654	-
Công ty Cổ phần Thiên Hoàng Việt	-	8.865.540.075
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường	23.871.162.000	10.669.246.599



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giang Ông Huỳnh Công Nhân	40.005.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	24.951.172.276	44.418.585.552
<b>Cộng</b>	<b><u>225.193.849.888</u></b>	<b><u>66.901.802.816</u></b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>3.000.000</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Các khoản chi hộ	3.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>38.416.133.635</b>	<b>(456.662.398)</b>	<b>26.955.320.819</b>	<b>(511.500.129)</b>
H.T.Foods pvt Ltd - Phải thu tiền xuất khẩu ủy thác	9.293.750.223	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	17.804.314.615	-	16.720.772.233	-
Phải thu khác	11.318.068.797	(456.662.398)	10.234.548.586	(511.500.129)
<b>Cộng</b>	<b><u>38.419.133.635</u></b>	<b><u>(456.662.398)</u></b>	<b><u>26.955.320.819</u></b>	<b><u>(511.500.129)</u></b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**6. Nợ xấu**

		<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>		<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Mazzetta - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	11.410.656.558	-	Trên 3 năm	11.432.875.491	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		7.453.737.618	-		4.051.499.174	-
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>	Trên 3 năm	1.090.710.590	-	Trên 3 năm	1.106.465.005	-
Phải thu khác	Trên 3 năm	456.662.398	-	Trên 3 năm	511.500.129	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	5.906.364.630	-	Trên 3 năm	2.433.534.040	-
<b>Cộng</b>		<b><u>18.864.394.176</u></b>	<b>-</b>		<b><u>15.484.374.665</u></b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.484.374.665	15.219.539.671
Trích lập dự phòng bổ sung	3.448.509.009	264.834.994
Xử lý xóa sổ	(68.489.498)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.864.394.176</u></b>	<b><u>15.484.374.665</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.191.491.065	-	9.002.350.661	-
Công cụ, dụng cụ	1.919.971.952	-	1.497.805.612	-
Thành phẩm	597.707.749.027	(30.022.655.456)	410.478.914.015	-
<b>Cộng</b>	<b>610.819.212.044</b>	<b>(30.022.655.456)</b>	<b>420.979.070.288</b>	-

Một số hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 96.600.000.000 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	30.022.655.456	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>30.022.655.456</b>	-

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	129.085.246	354.816.669
Chi phí sửa chữa	72.680.742	576.270.147
Chi phí thuê nhà	101.000.000	56.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.693.333	70.500.736
<b>Cộng</b>	<b>327.459.321</b>	<b>1.057.587.552</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.068.716.664	418.776.602
Chi phí sửa chữa	5.831.765.149	2.822.465.401
Tiền thuê đất	1.220.806.302	1.256.889.246
Các chi phí trả trước dài hạn khác	4.918.067.720	397.161.074
<b>Cộng</b>	<b>14.039.355.835</b>	<b>4.895.292.323</b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 63.769.379.286 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng và Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (Xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	-
Số đầu năm	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>		
Thuê tài chính trong năm			45.424.320.258
<b>Số cuối năm</b>			<b>45.424.320.258</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm			-
Khấu hao trong năm			5.212.858.444
<b>Số cuối năm</b>			<b>5.212.858.444</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm			-
<b>Số cuối năm</b>			<b>40.211.461.814</b>
<b>11. Tài sản cố định vô hình</b>			
	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	8.736.905.542	508.200.000	9.245.105.542
Thanh lý, nhượng bán	(3.725.492.000)	-	(3.725.492.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.011.413.542</b>	<b>508.200.000</b>	<b>5.519.613.542</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	408.200.000	1.226.720.475
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.872.427.218	410.977.778	7.283.404.996
Khấu hao trong năm	452.380.932	33.333.336	485.714.268
Thanh lý, nhượng bán	(2.739.768.433)	-	(2.739.768.433)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.585.039.717</b>	<b>444.311.114</b>	<b>5.029.350.831</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.864.478.324	97.222.222	1.961.700.546
<b>Số cuối năm</b>	<b>426.373.825</b>	<b>63.888.886</b>	<b>490.262.711</b>

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 426.373.825 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Xem thuyết minh số V.20a).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang xem phụ lục 02 đính kèm.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 5.087.501.730 VND (số đầu năm là 6.641.020.885 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm</u>	<u>Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ				
<i>Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ</i>	17.827.854	7.558.268	-	25.386.122
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lãi chưa thực hiện</i>	<u>1.883.830.086</u>	<u>(380.106.236)</u>	<u>(645.838.664)</u>	<u>857.885.186</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.901.657.940</u></b>	<b><u>(372.547.968)</u></b>	<b><u>(645.838.664)</u></b>	<b><u>883.271.308</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% và 20%.

**14. Phải trả người bán ngắn hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>16.824.120.200</u>	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy Sản Vĩnh Hải	16.824.120.200	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>322.776.290.688</u>	<u>286.570.412.768</u>
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hải Nam	-	10.107.554.825
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	45.456.414.061	-
Trạm thu mua Kiên Giang	-	7.078.488.974
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau	-	1.413.083.000
Ulka Seafoods (P) Ltd	8.984.063.120	26.307.389.280
Interseas., Ltd	28.856.141.067	-
Aqua Geno Exim, Ltd	34.114.935.780	-
Trạm sinh thái 184	14.694.460.446	1.583.641.375
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Lộc	-	529.865.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Đa Phương	1.681.992.719	2.342.342.271
Công ty TNHH Thương mại Thái Minh Hưng	-	363.910.000
Các nhà cung cấp khác	<u>188.988.283.495</u>	<u>236.844.138.043</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>339.600.410.888</u></b>	<b><u>286.570.412.768</u></b>

**14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Tôm sinh thái	1.314.383.760	1.314.383.760
Các nhà cung cấp khác	<u>1.508.626.837</u>	<u>2.429.980.579</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.823.010.597</u></b>	<b><u>3.744.364.339</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Bidfood Procurement Community., Ltd	3.273.155.505	-
Lp Foods Pte., Ltd	867.784.940	-
Pacific Rich Resources limited	244.026.635	244.026.635
Verwijs Import Export BV	106.957.187	106.957.187
Shin Kwang Seafood Corp	460.196.100	468.388.602
Blue You Trading LLC	-	1.957.766.828
Figaro Ronen Import and Marketing., Ltd	-	574.113.406
Các khách hàng khác	948.589.167	494.121.542
<b>Cộng</b>	<b><u>5.900.709.534</u></b>	<b><u>3.845.374.200</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

***Thuế giá trị gia tăng***

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

**Công ty Cổ phần Camimex Group**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Công ty Cổ phần Camimex**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Công ty Cổ phần Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Camimex Organic kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

#### Công ty Cổ phần Camimex Logistic

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thu nhập từ các hoạt động khác các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group	2.817.518.581	4.226.282.209
Công ty Cổ phần Camimex	10.310.696.813	9.767.478.954
Công ty Cổ phần Camimex Organic	212.510.158	340.800.931
Công ty Cổ phần Camimex Logistic	332.850.068	99.473.263
<b>Cộng</b>	<b>13.673.575.620</b>	<b>14.434.035.357</b>

#### Thuế tài nguyên

Công ty Cổ phần Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m<sup>3</sup> đối với nước trên mặt.

#### Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Camimex Group phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

#### Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 17. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

#### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

#### 19. Phải trả khác

##### 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	78.761.998
Ông Nguyễn An Ninh	-	78.761.998
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	23.187.558.093	22.089.124.498
Kinh phí công đoàn	4.087.788.664	3.474.106.887
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	9.273.255.206	9.142.796.502
Tài sản thừa chờ giải quyết	9.915.579	9.915.579
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	650.000.000	300.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	383.939.441	904.524.926
Coop, Basel - Tiền mượn	7.884.521.247	7.252.877.078
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	898.137.956	1.004.903.526
<b>Cộng</b>	<b><u>23.187.558.093</u></b>	<b><u>22.167.886.496</u></b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Coop, Basel - Tiền mượn <sup>(i)</sup>	7.884.521.247	7.252.877.078
Kinh phí công đoàn <sup>(i)</sup>	2.091.979.236	2.151.285.795
Bảo hiểm xã hội <sup>(i)</sup>	2.630.296.548	2.262.153.736
Bảo hiểm y tế	3.159.930	238.553.908
Bảo hiểm thất nghiệp	1.242.758	79.517.970
Thu tiền thanh lý hộ Nhà nước <sup>(ii)</sup>	44.761.905	44.761.905
<b>Cộng</b>	<b><u>12.655.961.624</u></b>	<b><u>12.029.150.392</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản kinh phí công đoàn này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.<sup>(ii)</sup> Khoản thu tiền thanh lý hộ Nhà nước 44.761.905 VND chưa được thanh toán do không có yêu cầu.**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>76.960.881.432</i>	<i>8.130.000.000</i>
Các cá nhân có liên quan - Tiền vay không lãi suất	18.673.250.000	8.130.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Tiền vay không lãi suất	58.287.631.432	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>561.975.571.068</i>	<i>384.160.599.424</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	344.390.316.724	310.848.451.920
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	57.035.713.540	51.526.974.773
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(ii)</sup>	113.396.975.982	118.498.885.575
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iii)</sup>	89.686.662.888	89.684.512.004
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	43.507.711.315	51.138.079.568
- Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(v)</sup>	30.904.240.499	-
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau <sup>(vi)</sup>	9.859.012.500	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	95.128.626.475	53.726.276.504
<i>Các tổ chức và cá nhân khác - Tiền mượn không tính lãi</i>	<i>95.128.626.475</i>	<i>53.726.276.504</i>
Trái phiếu thường ngắn hạn <sup>(vii)</sup>	99.194.770.257	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	7.508.995.882	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	<u>15.752.861.730</u>	<u>19.585.871.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>638.936.452.500</u></b>	<b><u>392.290.599.424</u></b>

(i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex Group tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp các khoản phải thu khách hàng thông qua các quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.3).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau chi tiết như sau:

*Công ty Cổ phần Camimex Group*: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc tại xí nghiệp 5 (xem thuyết minh số V.12) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

*Công ty Cổ phần Camimex*: để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.9).

*Công ty Cổ phần Camimex Organic*: vay để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động kinh doanh tôm nguyên liệu, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)

(iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

(iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, nhà cửa, vật kiến trúc và tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

(v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu, nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xuất khẩu, Phụ lục Hợp đồng xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

với các đối tác và toàn bộ Hàng hóa là lô hàng thủy sản hình thành từ các hợp đồng đầu vào phục vụ quyền đòi nợ hình thành trong tương lai.

- (vii) Trái phiếu thường của Công ty Cổ phần Camimex và có đảm bảo kỳ hạn 12 tháng, tổng mệnh giá 100.000.000.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn được trình bày ở phụ lục 04 đính kèm.

**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	5.927.523.000	7.851.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	3.337.523.000	1.621.395.686
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(ii)</sup>	630.000.000	3.290.000.000
- Vay Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iii)</sup>	1.960.000.000	2.940.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.800.000.000	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam <sup>(iv)</sup>	8.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	27.528.572.366	-
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn 05 năm.	27.528.572.366	-
<b>Cộng</b>	<b>42.256.095.366</b>	<b>7.851.395.686</b>

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 36 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ phần máy móc thiết bị, thuộc Dự án đầu tư dây chuyền tằm tằm bột tự động với lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 08 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, vật tư thiết bị để lắp đặt hệ thống kho lạnh 1.500 tấn thuộc xí nghiệp 5 với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 3 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam để đầu tư nhà máy xử lý nước thải-1000m<sup>3</sup>/ngày đêm tại nhà máy xí nghiệp 5 với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cà Mau, thế chấp toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và cầm cố Hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số V.2a và V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	20.720.384.730	14.792.861.730	5.927.523.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	9.760.000.000	960.000.000	8.800.000.000	-
Nợ thuê tài chính	35.037.568.248	7.508.995.882	27.528.572.366	-
<b>Cộng</b>	<b>65.517.952.978</b>	<b>23.261.857.612</b>	<b>42.256.095.366</b>	<b>-</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	27.437.266.686	19.585.871.000	7.851.395.686	-
<b>Cộng</b>	<b>27.437.266.686</b>	<b>19.585.871.000</b>	<b>7.851.395.686</b>	<b>-</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền gốc phải trả	7.508.995.882	27.528.572.366	-	35.037.568.248
Lãi thuê phải trả	2.562.232.118	2.857.632.333	-	5.419.864.451
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>10.071.228.000</b>	<b>30.386.204.699</b>	<b>-</b>	<b>40.457.432.699</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền gốc phải trả	-	-	-	-
Lãi thuê phải trả	-	-	-	-
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	7.851.395.686	4.850.023.243	(760.835.929)	(6.013.060.000)	5.927.523.000
Vay dài hạn tổ chức khác	-	10.000.000.000	(240.000.000)	(960.000.000)	8.800.000.000
Nợ thuê tài chính	-	45.077.715.867	(10.040.147.619)	(7.508.995.882)	27.528.572.366
<b>Cộng</b>	<b>7.851.395.686</b>	<b>59.927.739.110</b>	<b>(11.040.983.548)</b>	<b>(14.482.055.882)</b>	<b>42.256.095.366</b>

**20c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>	<u>Gốc</u>	<u>Lãi</u>	<u>Cộng</u>
<b>Các đơn vị khác</b>						
Vay	8.779.801.730	-	8.779.801.730	13.761.040.000	-	13.761.040.000
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam -	8.779.801.730	-	8.779.801.730	13.761.040.000	-	13.761.040.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Minh Hải <sup>(1)</sup>						
<b>Cộng</b>	<b>8.779.801.730</b>	<b>-</b>	<b>8.779.801.730</b>	<b>13.761.040.000</b>	<b>-</b>	<b>13.761.040.000</b>

(1) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	16.000.000.000	(15.000.000.000)	1.513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
<b>Cộng</b>	<b>1.015.051.916</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>(15.000.000.000)</b>	<b>2.015.051.916</b>

(\*) Thường cho người lao động có công đóng góp lớn vào sự phát triển của Tập đoàn.

**22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.145.650	9.293.288
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	642.693.014	(6.147.638)
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(645.838.664)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.145.650</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% và 20% (năm trước thuế suất là 10% và 20%).

**23. Vốn chủ sở hữu****23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 05 đính kèm.

**23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND.

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần.

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

**23c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**23d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty TNHH thủy sản Camimex đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.000.000.000 VND.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****24a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	37.980,44	85.772,50
Euro (EUR)	19,66	19,66

**24b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u> (VND)	<u>Số đầu năm</u> (VND)	Nguyên nhân xóa sổ
Các khoản phải thu khách hàng	25.802.226	-	Không thu hồi được nợ
Các khoản phải thu khác	116.772.121	-	Không thu hồi được nợ
<b>Cộng</b>	<b>142.574.347</b>	<b>-</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	483.913.836.867
Doanh thu bán thành phẩm	930.262.053.185	553.441.068.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.292.640.670	24.566.806.156
Doanh thu bán phụ phẩm	1.614.428.120	916.550.100
<b>Cộng</b>	<b>958.169.121.975</b>	<b>1.062.838.261.171</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu gia công	175.051.845	-
Doanh thu bán thành phẩm	66.780.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	661.754.147	600.273.306
Hàng bán bị trả lại	6.333.072.816	35.143.600
Giảm giá hàng bán	42.171.525	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.036.998.488</u></b>	<b><u>635.416.906</u></b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	419.864.750.088
Giá vốn của thành phẩm đã bán	700.736.000.831	461.693.068.453
Giá vốn dịch vụ gia công đã cung cấp	19.738.767.050	7.652.555.060
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	30.022.655.456	(21.261.335.580)
<b>Cộng</b>	<b><u>750.497.423.337</u></b>	<b><u>867.949.038.021</u></b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	333.777.398	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.507.267	2.973.016
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.694.771.341	5.139.433.963
<b>Cộng</b>	<b><u>6.036.056.006</u></b>	<b><u>5.142.406.979</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	35.318.876.083	25.952.390.226
Chi phí phát hành trái phiếu	3.540.642.537	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.073.066.744	5.832.565.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	41.929.317	3.571.028
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.712.329.451	-
<b>Cộng</b>	<b><u>44.686.844.132</u></b>	<b><u>31.788.526.930</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí cho nhân viên	3.069.197.276	3.438.520.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	456.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	210.483.327	503.297.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.784.311.003	19.918.200.198
Các chi phí khác	8.688.176.904	7.529.465.068
<b>Cộng</b>	<b><u>41.752.168.510</u></b>	<b><u>31.389.939.594</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	15.571.166.587	14.947.329.466

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí vật liệu quản lý	1.095.668.398	728.196.832
Chi phí đồ dùng văn phòng	878.216.293	982.822.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.485.945.497	2.528.219.355
Thuế, phí và lệ phí	534.183.572	1.154.692.150
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.448.509.009	264.834.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.338.273	362.049.218
Các chi phí khác	23.846.983.113	19.375.349.671
<b>Cộng</b>	<b>49.261.010.742</b>	<b>40.343.494.044</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.246.394.368	615.661.735
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản cố định đem góp vốn	233.537.115	-
Thu nhập khác	5.537.860.789	513.481.895
<b>Cộng</b>	<b>23.017.792.272</b>	<b>1.129.143.630</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi quá hạn	48.740.450	18.794.499
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	312.941.800	244.788.924
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	855.258.817	2.446.783.504
Chi phí khác	669.363.191	540.940.307
<b>Cộng</b>	<b>1.886.304.258</b>	<b>3.251.307.234</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	645.838.664	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	397.934.090	448.900.808
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(25.386.122)	(1.893.051.906)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.145.650)	(6.147.639)
<b>Cộng</b>	<b>1.015.240.982</b>	<b>(1.450.298.737)</b>
<b>11. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	41.138.984.390	80.720.777.026

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	41.138.984.390	80.720.777.026
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.112</u>	<u>6.105</u>

#### 11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	872.226.668.158	1.198.924.280.683
Chi phí nhân công	97.147.049.789	87.172.826.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.931.610.890	23.095.661.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.853.712.307	88.863.993.429
Chi phí khác	44.913.769.470	36.802.686.300
Cộng	<u>1.114.072.810.614</u>	<u>1.434.859.448.451</u>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	15.000.000.000	-
Góp vốn bằng tài sản cố định	17.568.908.270	13.000.000.000

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền không lãi suất	140.924.250.000	172.680.000.000
Trả tiền vay không lãi suất	(130.196.000.000)	(170.130.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Camimex Group

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.008.214.054	714.357.780
Phụ cấp, thù lao	359.903.226	312.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.368.117.280</b>	<b>1.026.357.780</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có thành viên có mối quan hệ mật thiết
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác không phải là Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng	55.913.495.139	
Bán tài sản cố định	15.000.000.000	-
Mua tài sản cố định	15.000.000.000	-
Ứng trước tiền mua nguyên liệu	(90.000.000.000)	-
Vay tiền không lãi suất	99.165.000.000	-
Trả tiền vay không lãi suất	(61.060.501.640)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.14a và V.20a.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

##### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là hoạt động thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

##### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	41.620.768.465	54.538.052.757
Nước ngoài	909.511.355.022	1.007.664.791.508
<b>Cộng</b>	<b>951.132.123.487</b>	<b>1.062.202.844.265</b>

#### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 78.558.369.434 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tuy nhiên, Tập đoàn đã làm việc với Ngân hàng để gia hạn các khoản nợ vay quá hạn và các Ngân hàng vẫn đang hỗ trợ tài chính cho các Công ty trong Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Lữ Hồng Lam  
Người lập

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	104.541.106.454	215.205.601.319	29.773.611.405	3.164.195.043	352.684.514.221
Mua trong năm	15.519.998.184	47.221.452.880	8.502.555.456	1.575.000.000	72.819.006.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.335.371.155	-	-	-	2.335.371.155
Thanh lý, nhượng bán	(2.335.371.155)	(4.314.149.959)	-	-	(4.314.149.959)
Giảm do góp vốn	-	(15.000.000.000)	-	-	(17.335.371.155)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	-	-	-	(1.575.000.000)	(1.575.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>120.061.104.638</b>	<b>243.112.904.240</b>	<b>38.276.166.861</b>	<b>3.164.195.043</b>	<b>404.614.370.782</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.321.252.315	51.565.189.366	2.512.156.357	1.400.618.359	71.799.216.397
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	65.032.392.498	138.449.723.741	11.598.102.920	2.403.819.544	217.484.038.703
Khấu hao trong năm	7.440.420.116	11.930.313.673	3.827.054.387	35.250.002	23.233.038.178
Thanh lý, nhượng bán	-	(958.699.972)	-	-	(958.699.972)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	-	-	-	(26.250.000)	(26.250.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>72.472.812.614</b>	<b>149.421.337.442</b>	<b>15.425.157.307</b>	<b>2.412.819.546</b>	<b>239.732.126.909</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.508.713.956	76.755.877.578	18.175.508.485	760.375.499	135.200.475.518
Số cuối năm	47.588.292.024	93.691.566.798	22.851.009.554	751.375.497	164.882.243.873



*Handwritten signature*

Lữ Hồng Lam  
 Người lập

Nguyễn Trọng Hà  
 Kế toán trưởng

Bùi Đức Cường  
 Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**


Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

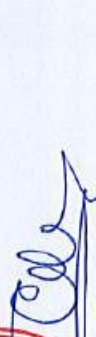
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Thanh lý, nhượng bán	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Trình bày lại	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.517.830.081	30.954.808.986	-	-	-	(1.467.509.835)	31.005.129.232
Xây dựng cơ bản dở dang	128.136.629.047	71.914.438.348	(2.335.371.155)	(50.467.666.771)	(336.250.941)	1.467.509.835	148.379.288.363
- Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn - Xi nghiệp 5	6.641.020.885	-	(2.335.371.155)	-	-	781.852.000	5.087.501.730
- Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang	4.129.922.243	-	-	(4.815.580.078)	-	685.657.835	-
- Khu nhà ở nuôi tôm	596.852.000	-	-	(596.852.000)	-	-	-
- Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Máy móc thiết bị	46.386.047.761	70.287.513.348	-	-	-	-	71.618.326.416
- Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Chi phí xây dựng cơ bản	35.973.292.304	1.055.000.000	-	(45.055.234.693)	-	-	37.028.292.304
- Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục	19.637.839.872	-	-	-	(336.250.941)	-	19.301.588.931
- Công trình nâng cấp xi nghiệp 2	7.547.967.618	-	-	-	-	-	7.547.967.618
- Công trình máy ép Nobashi xi nghiệp 4	6.857.500.000	-	-	-	-	-	6.857.500.000
- Công trình lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động xi nghiệp 2	81.075.000	459.425.000	-	-	-	-	540.500.000
- Công trình lắp đặt phân mềm quản lý	267.500.000	112.500.000	-	-	-	-	380.000.000
- Tài sản cố định khác	17.611.364	-	-	-	-	-	17.611.364
<b>Cộng</b>	<b>129.654.459.128</b>	<b>102.869.247.334</b>	<b>(2.335.371.155)</b>	<b>(50.467.666.771)</b>	<b>(336.250.941)</b>	-	<b>179.384.417.595</b>


  
**Lê Hồng Lam**  
 Người lập


  
**Bùi Đức Cường**  
 Phó Tổng Giám đốc


  
 Công ty Cổ phần CAMIMEX GROUP  
 Mã số thuế: 20000109300  
 TP. CÀ MAU (T. C. M. V. N. C.)  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Kết chuyển giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	216.188.586	-	1.217.182.869	(1.138.187.111)	-	295.184.344	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.504.074.899	(1.504.074.899)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	7.517.799.495	-	(124.291.436)	-	-	7.642.090.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.580.922.708	-	13.673.575.620	(10.180.006.112)	(4.226.282.209)	13.848.210.007	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.402.577.338	1.957.570	1.045.349.884	(1.026.843.330)	-	1.419.126.322	-
Tiền thuế đất	336.250.941	-	573.212.772	(734.836.106)	(174.627.607)	-	-
Thuế tài nguyên	8.976.000	-	118.342.800	(120.142.400)	-	7.176.400	-
Các loại thuế khác	-	-	38.055.236	(38.055.236)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	733.450.820	(693.538.070)	(39.912.750)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.544.915.573</b>	<b>7.519.757.065</b>	<b>18.903.244.900</b>	<b>(15.559.974.700)</b>	<b>(4.440.822.566)</b>	<b>15.569.697.073</b>	<b>7.642.090.931</b>

(\*) Giảm thuế TNDN phải nộp số tiền 4.226.282.209 VND do bù trừ với thuế GTGT được hoàn theo các Quyết định của Cục thuế tỉnh Cà Mau về việc hoàn thuế kèm bù trừ ngân sách Nhà nước.



Lữ Hồng Lam  
 Người lập



Nguyễn Trọng Hà  
 Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường  
 Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 04: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	310.848.451.920	1.341.537.734.620	-	(1.308.125.931.470)	130.061.654	344.390.316.724
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	30.381.276.504	180.802.776.640	-	(121.520.795.237)	-	89.663.257.907
Vay ngắn hạn các cá nhân	31.475.000.000	192.632.250.000	-	(141.681.000.000)	-	82.426.250.000
Trái phiếu thường ngắn hạn	19.585.871.000	103.939.995.939	-	(4.745.225.682)	-	99.194.770.257
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	6.973.060.000	(10.797.371.283)	(8.697.987)	15.752.861.730
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	7.508.995.882	-	-	7.508.995.882
<b>Cộng</b>	<b>392.290.599.424</b>	<b>1.818.912.757.199</b>	<b>14.482.055.882</b>	<b>(1.586.870.323.672)</b>	<b>121.363.667</b>	<b>638.936.452.500</b>

Đơn vị tính: VND



Lữ Hồng Lam  
 Người lập



Nguyễn Trọng Hà  
 Kế toán trưởng



Bùi Đức Cường  
 Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích có đóng không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	-	1.995.223.836	(74.528.354.961)	50.000.000	59.729.208.875
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	80.720.777.026	47.575.405	80.768.352.431
Điều chỉnh khoản chênh lệch tiền thuế TNDN các năm trước	-	-	-	(4.079.491.590)	-	(4.079.491.590)
Tặng/(Giảm) do hợp nhất kinh doanh trong năm trước	-	-	-	(4.153.424)	2.004.153.424	2.000.000.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>-</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>2.108.777.051</b>	<b>2.101.728.829</b>	<b>138.418.069.716</b>
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	-	1.995.223.836	2.108.777.051	2.101.728.829	138.418.069.716
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	41.138.984.390	36.611.058.372	77.750.042.762
Trích lập các quỹ	-	-	-	(16.000.000.000)	-	(16.000.000.000)
Tặng trong năm	-	5.106.126.126	-	-	1.693.873.874	6.800.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông riêng lẻ	-	-	-	-	138.200.000.000	138.200.000.000
Tặng/(giảm) do ảnh hưởng hợp nhất kinh doanh năm nay	-	-	-	(1.348.227.420)	648.211.479	(700.015.941)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>5.106.126.126</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>25.899.534.021</b>	<b>179.254.872.554</b>	<b>344.468.096.537</b>

*(Handwritten signature)*

**Lữ Hồng Lam**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Trọng Hà**  
 Kế toán trưởng

**Bùi Đức Cường**  
 Phó Tổng Giám đốc





**Now,  
for tomorrow**

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

---

**HEAD OFFICE**

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 [kttv@a-c.com.vn](mailto:kttv@a-c.com.vn)

---

**Branch in Hanoi**

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi  
Tel: 024. 3 736 7879  
Fax: 024. 3 736 7869  
[kttv.hn@a-c.com.vn](mailto:kttv.hn@a-c.com.vn)

**Branch in Nha Trang**

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban  
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City  
Tel: 0258. 2 465 151  
Fax: 0258. 2 465 806  
[kttv.nt@a-c.com.vn](mailto:kttv.nt@a-c.com.vn)

**Branch in Can Tho**

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,  
Cai Rang Dist., Can Tho City  
Tel: 0292. 3 764 995  
Fax: 0292. 3 764 996  
[kttv.ct@a-c.com.vn](mailto:kttv.ct@a-c.com.vn)